

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST

Ngày: 19 – 6 – 2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng, ông Nguyễn Quốc Vự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Kim Đ, sinh năm 1974, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; con ông Trần H và bà Nguyễn Thị U (Đều đã chết); bị cáo có chồng là Chung Minh V, sinh năm 1968 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3. Ông Nguyễn Kế T2, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

4. Ông Chung Minh V, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

Chị Chung Thị Ánh V1, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 50 phút ngày 03/01/2019, Cơ qua Cảnh sát Điều tra Công an huyện Ea Kar bắt quả tang Trần Thị Kim Đ đang đánh bạc dưới hình thức ghi số đề tại nhà thuộc thôn K, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Khi Đ đang ghi đề cho Nguyễn Kế T2 theo kết quả xổ số Hà Nội hay còn gọi là “Đài Bắc” bao lô số 09, 50 điểm với số tiền 1.150.000đ. Quá trình bắt quả tang còn thu giữ 28 phoi đề được đánh số thứ tự từ 01 đến 28 mà Đào đã ghi trong ngày 03/01/2019 cho những người đến đánh bạc với tổng số tiền ghi trên các phoi đề là 5.288.000đ. Trong đó có hai phoi đề xác định được đối tượng ghi đề là phoi đề số 20 của Nguyễn Thị T ghi số 657 là 24.000đ, phoi đề số 10 của Hoàng Văn T1 ghi các con số 22, 27, 722, 277 là 55.000đ.

Đối chiếu với kết quả xổ số Bình Định ngày 03/01/2019 thì chỉ có phoi đề số 23 (Không xác định được người đánh đề là ai) trúng số 82 với số tiền 70.000đ. Như vậy, tổng số tiền mà Đ sử dụng vào việc đánh bạc là 6.508.000đ.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 5.288.000đ;
- 29 tờ phoi đề có chữ ký của Trần Thị Kim Đ, 03 tờ phoi đề in giấy than có chữ ký của Nguyễn Kế T2, Hoàng Văn T1, Nguyễn Thị T;
- 01 bút bi, 01 kéo, 01 bàn ván ép, 02 tờ giấy than, 01 tập giấy ghi chú màu trắng.

Căn phòng mà Đ sử dụng để ghi đề cho các con bạc, qua điều tra, xác minh xác định đây là phần diện tích gia đình Đ xây lấn chiếm hành lang Quốc lộ

26 nên không tiến hành kê biên bán đấu giá.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Thị Kim Đ về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thị Kim Đ tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 13/5/2019. Đồng thời đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim Đ phạm tội “*Đánh bạc*”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim Đ từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.288.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2013/16007 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước 1.150.000đ là số tiền ghi sổ đề của Nguyễn Kế T2 sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 kéo sắt, cán màu hồng, đã qua sử dụng; 01 bút bi hiệu “Vâng Thiêng” đã qua sử dụng; 01 bàn ván ép, kích thước 49 x 99 cm, cao 73cm, đã qua sử dụng; 01 tờ giấy than, kích thước 06 x 11cm; 01 tờ giấy than, kích thước 16,5 x 21cm; 20 tờ giấy viết ghi chú màu trắng, kích thước 10,5 x 05cm là các vật chứng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội (*Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2019*).

- Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 29 tờ phơi đề có đặc điểm như biên bản thu giữ vật chứng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào lúc 17 giờ 50 phút ngày 03/01/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Ea Kar bắt quả tang Trần Thị Kim Đ đang đánh bạc dưới hình thức ghi số đề tại nhà cho Nguyễn Kế T2 theo kết quả xổ số Hà Nội hay còn gọi là “Đài Bắc” bao lô số 09 50 điểm với số tiền 1.150.000đ. Quá trình bắt quả tang còn thu giữ 28 phôi đề mà Đ ghi trong ngày 03/01/2019 cho những người đến đánh bạc với tổng số tiền 5.288.000đ và số tiền trúng đề là 70.000đ. Như vậy, trong ngày 03/01/2019, Trần Thị Kim Đ có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với tổng số tiền 6.508.000đ .

Hành vi của bị cáo Trần Thị Kim Đ đã phạm vào tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

“ Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. ”

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được quy định trong Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ đánh bạc dưới mọi hình thức là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên bị

cáo đã ghi số đề cho các con bạc nhằm hưởng lợi từ việc ghi số đề. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội .

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ, có chồng bị bệnh gan, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình. Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng có tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội có động cơ, mục đích vụ lợi nhưng xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.288.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2013/16007 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước 1.150.000đ là số tiền ghi số đề của Nguyễn Kế T2 sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 kéo sắt, cán màu hồng, đã qua sử dụng; 01 bút bi hiệu “Vâng Thiêng” đã qua sử dụng; 01 bàn ván ép, kích thước 49 x 99 cm, cao 73cm, đã qua sử dụng; 01 tờ giấy than, kích thước 06 x 11cm; 01 tờ giấy than, kích thước 16,5 x 21cm; 20 tờ giấy viết ghi chú màu trắng, kích thước 10,5 x 05cm là các vật chứng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội (*Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2019*).

- Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 29 tờ phơi đề có đặc điểm như biên bản thu giữ vật chứng.

[6]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim Đ phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Trần Thị Kim Đ** 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 19/6/2019.

Giao bị cáo Trần Thị Kim Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.288.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2013/16007 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước 1.150.000đ là số tiền ghi sổ đề của Nguyễn Kế T2 sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 kéo sắt, cán màu hồng, đã qua sử dụng; 01 bút bi hiệu “Vâng Thiêng” đã qua sử dụng; 01 bàn ván ép, kích thước 49 x 99 cm, cao 73cm, đã qua sử dụng; 01 tờ giấy than, kích thước 06 x 11cm; 01 tờ giấy than, kích thước 16,5 x 21cm; 20 tờ giấy viết ghi chú màu trắng, kích thước 10,5 x 05cm là các vật chứng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội (*Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2019*).

- Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 29 tờ phôi đề có đặc điểm như biên bản thu giữ vật chứng.

[3]. Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thị Kim Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Ea Kar;
- C.C.T.H.A D.S huyện E;
- Cơ quan T.H.A.H.S Công an huyện E;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà